TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số: 85/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 11 năm 2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Đức Sơn
Ông Dương Minh Thiết
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Văn Sang – Thư ký TAND huyện Lạng Giang
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 283/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2018/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: anh Dương Quang Ph, sinh năm: 1971 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn GB, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG
*Bị đơn: chị Hoàng Thị T, sinh năm: 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn GB, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BGg

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 18/7/2018 và các lời khai tiếp theo anh Dương Quang Ph trình bày: Anh và chị Hoàng Thị T đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hòa thuận và có hai con chung. Năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân và chị T bỏ đi không về chung sống cùng anh. Năm 2018 anh làm đơn yêu cầu tuyên bố chị T mất tích, khi Tòa án đang giải quyết thì chị T về nên anh đã rút đơn yêu cầu tuyên bố mất tích, sau đó chị T ở nhà, anh đã làm đơn xin ly hôn và thông báo cho chị T biết về việc khởi kiện, đã trực tiếp giao bản sao đơn kiện cùng tài liệu chứng cứ cho chị T. Sau khi anh gửi đơn đến Tòa án, chị T lại đi và không thông báo cho anh biết địa chỉ. Nay anh và chị T không thể chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị Hoàng Thị T ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Dương Quang Nh, sinh ngày 05/12/1996 và Dương Quang D, sinh ngày 21/7/2008. Hiện con đang ở cùng anh, cháu Nh đã trên 18 tuổi và khỏe mạnh nên anh không yêu cầu xem xét. Đối với cháu D có nguyện vọng ở với anh nên đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu chị T phải đóng góp.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hoàng Thị T không đến Tòa án làm việc, không trình bày lời khai tại Tòa.

Đại diện chính quyền địa phương xác nhận, chị Hoàng Thị T và anh Dương Quang Ph đã kết hôn hợp pháp, cư trú tại thôn GB, xã ĐM, huyện LG. Năm 2014 vợ chồng chị T, anh Ph mâu thuẫn và sống ly thân, sau đó chị T bỏ đi làm ăn. Tuy nhiên năm 2018 anh Ph có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích thì chị T đã về và chị T đã ở nhà một thời gian, cho đến tháng 7 năm 2018 thì chị lại đi làm, nhưng không khai báo tạm vắng, không chuyển khẩu đi đâu và cũng không thông báo cho địa phương biết đi làm ở đâu. Việc anh Ph yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa anh Ph có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến, quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung, đề nghị Tòa án giao cháu Dương Quang Dg cho anh nuôi và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Chị T vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tại phiên toà đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của thư ký đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn, chị Hoàng Thị T đã biết anh Ph gửi đơn khởi kiện ly hôn nhưng sau đó lại bỏ đi và không thông báo địa chỉ cho anh Ph, cho Tòa án biết, nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, tại phiên tòa chị T vắng mặt đề nghị HĐXX căn cứ điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án, kiểm sát viên đã phân tích đánh giá tài liệu, chứng cứ, thực trạng mâu thuẫn của anh Ph, chị T và xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, đến nay vợ chồng không thể chung sống đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Ph, chị Tấm ly hôn, đề nghị giao cháu Dương Quang D, sinh ngày 21/7/2008 cho anh Ph nuôi, về cấp dưỡng nuôi con anh Ph không yêu cầu nên không xem xét. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn khởi kiện của anh Dương Quang Ph cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn

khởi kiện. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn chị Hoàng Thị T đã được anh Ph thông báo và giao tài liệu khởi kiện song sau đó chị T đã đi làm và không thông báo cho anh Ph, Tòa án biết địa chỉ nơi làm việc, nơi ở nên xác định thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật để giải quyết. Tại phiên tòa thứ hai chị T vắng mặt, Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại điều 227, 228 của Bộ luật tô tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai nguyên đơn cũng như xác minh tại chính quyền địa phương cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được đã xác định anh Dương Quang Ph và chị Hoàng Thị T đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐM, huyện LG ngày 17/02/1994, do đó quan hệ hôn nhân của anh Ph, chị T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Từ lời khai của nguyên đơn cũng như xác minh tại địa phương cho thấy, sau khi kết hôn, anh Ph, chị T về chung sống tại thôn GB, xã ĐM, huyện LG. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, cho đến năm 2014 thì xảy mâu thuẫn. Từ năm 2014 đến nay anh Ph, chị Tsống ly thân, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau, không chăm lo cho hạnh phúc gia đình. HĐXX nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn của anh Ph, chị T đã gay gắt, kéo dài, việc duy trì hôn nhân không có hạnh phúc, do đó HĐXX căn cứ yêu cầu của anh Ph, căn cứ tình trạng hôn nhân của anh Ph, chị T để xử cho ly hôn là phù hợp quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: anh Ph, chị T có hai con chung là Dương Quang Nh, sinh ngày 05/12/1996 và Dương Quang D, sinh ngày 21/7/2008. Xét thấy cháu Nh đã trên 18 tuổi nên HĐXX không đặt ra xem xét. Đối với cháu D, hiện ở cùng anh Ph và có nguyện vọng ở cùng anh Ph nên HĐXX xem xét giao cho anh Ph nuôi cháu D. Về cấp dưỡng nuôi con HĐXX không đặt ra xem xét do anh Ph không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Ph phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56, 57, điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 147; điều 235; Điều 227, điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 26; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Dương Quang Ph và chị Hoàng Thị T ly hôn.

Về con chung: Giao cho anh Dương Quang Ph quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Dương Quang D, sinh ngày 21/7/2008.

Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

Án phí: anh Dương Quang Ph phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006633 ngày 25/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
-*VKSND huyện Lạng Giang*;
-*THADS huyện Lạng Giang;*
-*Các đương sự;*
-*UBND xã ĐM.*
-*Lưu*.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng